

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2020/DS-ST**  
Ngày 10-9-2020  
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Tấn Tài

Ông Đoàn Quốc Thống

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Chí T1 (tên gọi khác: Thanh T1), sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Văn T2 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lâm Chí T1 trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T2 và vợ là bà Nguyễn Thị N có tham gia 02 dây hui do ông làm chủ hui, cụ thể như sau:

- Dây hui thứ nhất mở ngày 22/10/2017 âm lịch, loại hui 5.000.000 đồng,

mỗi tháng khai một kỳ, tổng số 22 phần, vợ chồng ông T2, bà N tham gia 01 phần, kê giá 1.500.000 đồng hốt được số tiền là 81.500.000 đồng vào kỳ khai hội lần thứ tám (tháng 5/2018 âm lịch). Sau khi hốt hội, vợ chồng ông T2, bà N đóng lại hội chết đến hết tháng 9/2018 âm lịch. Từ tháng 10/2018 đến khi mãn dây hội là tháng 7/2019 âm lịch, vợ chồng ông T2, bà N không đóng hội chết nên ông phải đóng thay 10 kỳ bằng 50.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai mở ngày 19/5/2019 âm lịch, loại hội 10.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, tổng số 17 phần, vợ chồng ông T2, bà N tham gia 01 phần, kê giá 2.550.000 đồng hốt được số tiền 114.200.000 đồng vào kỳ khai hội đầu tiên. Sau khi hốt hội, vợ chồng ông T2, bà N đóng lại hội chết đến hết tháng 8/2019 âm lịch. Từ tháng 9/2019 đến tháng 02/2020 âm lịch vợ chồng ông T2, bà N không đóng hội chết nên ông phải đóng thay 06 kỳ bằng 60.000.000 đồng. Sau đó, ông T2, bà N đã đóng cho ông được 3.000.000 đồng nên số tiền còn thiếu của dây hội này tính đến tháng 02/2020 âm lịch là 57.000.000 đồng.

Ông yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N trả lại cho ông số tiền hội chết của hai dây hội là 107.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N trả cho ông Lâm Chí T1 số tiền 57.000.000 đồng; đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Chí T1 thấy rằng:

Ông Nguyễn Văn T2 và vợ là bà Nguyễn Thị N có tham gia 02 dây hụi do ông Lâm Chí T1 làm chủ hụi.

- Dây hụi thứ nhất mở ngày 22/10/2017 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 22 phần, vợ chồng ông T2, bà N tham gia 01 phần đã hót vào kỳ khui hụi lần thứ tám (tháng 5/2018 âm lịch). Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T2, bà N trả số tiền hụi chết từ tháng 10/2018 đến khi mãn dây hụi là tháng 7/2019 âm lịch 50.000.000 đồng. Xét thấy tại thời điểm khởi kiện, dây hụi này đã mãn được 07 tháng, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền hụi và bị đơn vi phạm nghĩa vụ của hụi viên về việc góp các phần hụi còn thiếu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với dây hụi này.

- Dây hụi thứ hai mở ngày 19/5/2019 âm lịch, loại hụi 10.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 17 phần, vợ chồng ông T2, bà N tham gia 01 phần đã hót vào kỳ khui hụi đầu tiên. Sau khi hót hụi, vợ chồng ông T2, bà N đóng lại hụi chết đến hết tháng 8/2019 âm lịch. Từ tháng 9/2019 đến tháng 02/2020 âm lịch vợ chồng ông T2, bà N không đóng hụi chết nên nguyên đơn phải đóng thay 06 kỳ bằng 60.000.000 đồng. Ông T2, bà N đã trả cho nguyên đơn được 3.000.000 đồng nên số tiền còn thiếu của dây hụi này tính đến tháng 02/2020 âm lịch là 57.000.000 đồng.

Đối với dây hụi này, nguyên đơn có lập danh sách thể hiện rõ các thành viên và phương thức tham gia, phù hợp với quy định pháp luật nên các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Việc giao nhận tiền hụi đã hót được thể hiện bằng biên nhận ghi rõ số tiền và hai bên cùng ký tên. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phưởng quy định thành viên tham gia hụi có nghĩa vụ phải đóng đủ các phần theo thỏa thuận. Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì dây hụi chưa mãn, do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hụi của hụi viên nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho ông số tiền mà ông với vai trò chủ hụi đã đóng thay bị đơn. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia hụi nên phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền tương ứng với các phần hụi mà nguyên đơn đã đóng thay cho bị đơn trong dây hụi này với số tiền là 57.000.000 đồng.

[4] Từ những phân tích, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận cụ thể: 57.000.000 đồng x 5% = 2.850.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền khởi kiện không được chấp nhận là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, húy, biểu, phùng,

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Chí T1 (tên gọi khác: Thanh T1). Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Chí T1 số tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.850.000 (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng (chưa nộp).

Ông Lâm Chí T1 (tên gọi khác: Thanh T1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Ông Lâm Chí T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004871 ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông Lâm Chí T1 được nhận lại 175.000 (một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành*

*án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Ông Lâm Chí T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**